

BÀN THÊM VỀ MỘT SỐ THUẬT NGỮ TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ NGUỒN GỐC TỪ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

NGUYỄN TẤN HÙNG (*)

Hiện nay, có một số thuật ngữ triết học, chính trị học có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài đang được sử dụng rộng rãi ở nước ta nhưng chưa thật chính xác, đầy đủ do cách dịch chưa sát nguyên nghĩa hoặc do bản thân từ ngữ chuyển nghĩa không bao quát hết nội dung của ngôn ngữ gốc. Trong bài viết này, tác giả làm rõ một số bất cập trong việc phiên dịch các thuật ngữ triết học, chính trị học... sang tiếng Việt nhằm góp phần vào việc nghiên cứu, học tập lý luận một cách hiệu quả hơn.

1. Về các thuật ngữ chỉ tên và các hình thức nhà nước

Chúng tôi nhận thấy rằng, có một số tên nhà nước trên thế giới được dịch ra tiếng Việt thiếu chính xác, hoặc đã thay đổi rồi nhưng chúng ta vẫn gọi theo tên cũ.

Nước “Mỹ” là cách gọi không khớp với tên của nhà nước đó hiện nay là *United States of America* (USA). Đây là một Nhà nước liên bang gồm 50 tiểu bang hợp nhất lại. Từ “states” có nghĩa là tiểu bang; “united” có nghĩa là thống nhất, hợp nhất lại. Trong tiếng Việt, nước Mỹ còn có tên gọi là “Hoa Kỳ” (cờ hoa), nhưng thực ra, lá cờ nước Mỹ gồm “sao và vạch” (stars and stripes) chứ không phải là “hoa”. Trên lá cờ Mỹ có 13 vạch đỏ và trắng đại diện cho 13 xứ thuộc địa của Anh đã nổi dậy giành độc lập trong cuộc cách mạng 1776 và 50 ngôi sao năm cánh đại diện cho 50 tiểu bang hiện nay ở Mỹ.

Nhiều nhà nước trên thế giới được tổ chức theo hình thức liên bang; tên nhà nước có thể có từ “liên bang”, như Liên bang Nga, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Liên bang Nigêria... Nhưng cũng có những nhà nước liên bang không dùng từ “federation” hoặc “federal”, mà dùng từ “united” (hợp nhất, thống nhất lại, cũng có

nghĩa là liên bang, liên minh), như trường hợp United States, United Kingdom, United Arab Emirates. “Unnited Kingdom” (UK), tên đầy đủ là “Unnited Kingdom of Great Britain and Northern Irland”, tiếng Việt gọi là “Vương quốc Anh”. Thật ra, nó không chỉ có nước Anh, mà còn có ba nước khác nữa là Bắc Ailen, Xcôtlen (Scotland) và Wales. “Tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất” (United Arab Emirates) là một liên bang gồm 7 tiểu vương quốc (emirate) hợp nhất lại.

Nước “Dân chủ Hy Lạp” (tiếng Hy Lạp phiên âm latin: *Elleniki Demokratia*) là tên gọi chính thức của nhà nước này, nhưng trong nhiều thứ tiếng khác trên thế giới nó có tên gọi là “Cộng hòa Hy Lạp” (tiếng Anh: Hellenic Republic). Dân chủ và cộng hòa có gì khác nhau? Đây là những hình thức nhà nước trong lịch sử. Thuật ngữ “dân chủ” (tiếng Anh: democracy, tiếng Hy Lạp phiên âm latin: demokratia) bắt nguồn từ hai từ Hy Lạp: *demos* (nhân dân) và *kratos* (sự cai trị, sức mạnh), gộp lại có nghĩa là *sự cai trị của nhân dân*. Thuật ngữ “cộng hòa” (tiếng Anh: republic) có nguồn gốc từ hai từ Hy Lạp “res” (công việc) và “publika” (chung). Thuật ngữ này hàm ý: nhà nước cộng hòa là

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ. Đại học Đà Nẵng.

“công việc chung”, khác với chế độ quân chủ (tiếng Anh: *monarchy* có nguồn gốc tiếng Hy Lạp: *monos* (một) và *arkhos* (người cai trị)). Cộng hoà và dân chủ trong thời cổ đại Hy Lạp là hai hình thức nhà nước khác nhau. Platôn phản đối nhà nước dân chủ Aten và chủ trương xây dựng một nhà nước cộng hoà lý tưởng. Nhà nước cộng hoà của Platôn là “công việc chung” của đẳng cấp nhà triết học, chứ không phải là công việc chung của nhân dân, vì theo Platôn, số đông nhân dân thì không có tri thức để cai trị nhà nước. Ngày nay, cộng hoà cũng có nghĩa là dân chủ, vì nhà nước cộng hoà là công việc chung của nhân dân. Cộng hoà là hình thức nhà nước phổ biến hiện nay trên thế giới, mặc dù có nhiều nước vẫn gọi nhà nước của họ là “vương quốc”, hoặc không dùng từ cộng hoà để gọi tên nhà nước của họ.

2. Về cách đặt tên cho một học thuyết, một trường phái

Để đặt tên cho một học thuyết, một trường phái triết học, chính trị - xã hội, người ta thường có mấy cách sau:

Cách đơn giản nhất là lấy tên người sáng lập, có khi để nguyên tên cộng thêm đuôi “ism” (dịch ra tiếng Việt là *chủ nghĩa*, *đạo*, *giáo*), như *chủ nghĩa Mác* (Marxism), *chủ nghĩa Lênin* (Leninism), *chủ nghĩa Mao* (Maoism), *chủ nghĩa Thomas* (Thomism), *Phật giáo* (Buddhism, xuất phát từ Buddha), v.v., hoặc biến danh từ riêng thành tính từ rồi mới cộng thêm “ism” vào. Thí dụ, Khổng giáo (Confucius (Khổng Tử) → Confucian → Confucianism), chủ nghĩa Cantơ (Kant → Kantian → Kantianism), chủ nghĩa Hêghen (Hegel → Hegelian → Hegelianism), v.v..

Cách phổ biến thứ hai trong việc đặt tên cho một học thuyết và cũng là cách gây ra những sự rắc rối cho người nghiên cứu là lấy khái niệm trung tâm trong học thuyết đó để đặt tên cho nó. Thí dụ, *Đạo gia* là một trường phái triết học ở Trung Quốc cổ đại do Lão Tử sáng lập; khái niệm trung tâm

của học thuyết này là “Đạo”. Khái niệm này thật khó phiên dịch, nên ngay cả phương Tây cũng phải gọi nó là *Daoism* hoặc *Taoism*.

Trong triết học, chính trị học, xã hội học hiện đại, khi đặt tên cho học thuyết của mình, tác giả của nó tìm một thuật ngữ phản ánh được bản chất của học thuyết đó. Do đó, chúng tôi nhấn mạnh rằng, *việc tìm hiểu và giải thích đúng tên của một học thuyết hay trường phái có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nghiên cứu cũng như giảng dạy học thuyết đó*.

Vì không hiểu khía cạnh này nên nhiều người nghiên cứu và giảng dạy thường ít quan tâm đến tên của học thuyết đó, hoặc chỉ thỏa mãn với cái tên đã được dịch ra tiếng Việt mà không quan tâm tìm hiểu nguồn gốc của thuật ngữ.

Thuật ngữ “Pragmatism” là do tác giả của nó - Charles Sander Peirce đặt ra. Ông dùng thuật ngữ này có một hàm ý sâu xa của nó. Ta hãy nghe sự phân tích của William James, một trong ba nhà sáng lập chủ nghĩa thực dụng, người đã biến chủ nghĩa thực dụng thành học thuyết lý luận. Trong bài giảng của mình với tiêu đề “What Pragmatism Means?” (Chủ nghĩa thực dụng có nghĩa là gì?), James viết: “Một cái nhìn sơ qua về lịch sử của tư tưởng này sẽ giúp bạn hiểu tốt hơn thế nào là chủ nghĩa thực dụng. Thuật ngữ này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp “pragma”, có nghĩa là *hành động*, nó là nguồn gốc của các từ “thực tiễn”, “thực tế” của chúng ta. Thuật ngữ này lần đầu tiên được đưa vào triết học bởi ông Charles Peirce năm 1878”(1).

Chủ nghĩa thực dụng là một trào lưu triết học ra đời nhằm chống lại các hệ thống triết học duy tâm, kinh viện, giáo điều trước đây. Nó nhấn mạnh vai trò của *hành*

(1) William James, *What Pragmatism Means*, có thể đọc bài này ở địa chỉ: <http://www.marxists.org/reference/subject/philosophy/works/us/james.htm> hoặc ở nhiều trang web khác

động, của thực tiễn, của kinh nghiệm, của hiệu quả thực tế chứ không phải là của lý luận suông, của những cái trừu tượng, không tưởng, xa rời thực tế. William James nói: “Nhà thực dụng đại diện cho một thái độ hoàn toàn quen thuộc trong triết học, thái độ kinh nghiệm chủ nghĩa, nhưng hình như đối với tôi, nó đại diện cho thái độ này dưới hình thức vừa triết để hơn, vừa ít bị phản đối hơn. Nhà thực dụng kiên quyết và vĩnh viễn quay lưng lại với một loạt những thói quen thâm căn cố đế của các nhà triết học chuyên nghiệp. Anh ta xa lánh với sự trừu tượng và sự thiếu bằng chứng, với những giải pháp câu chữ, những lý lẽ tiên nghiệm, với những nguyên lý cố định, những hệ thống khép kín, với những cái được cho là tuyệt đối, là bản nguyên. Nó hướng tới tính cụ thể, sự đầy đủ bằng chứng, tới những sự kiện thực tế, tới hành động, tới sức mạnh”(2).

Ở nước ta, vì không có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với lý luận của học thuyết này, chỉ hiểu qua trung gian là các từ điển, các sách được viết trong thời kỳ bao cấp ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây nên chủ nghĩa thực dụng chỉ được hiểu ở khía cạnh tiêu cực của nó (tất nhiên, chủ nghĩa thực dụng có mặt tiêu cực của nó), như là “chỉ biết có lợi nhuận”, “lợi ích vật chất trước mắt, không quan tâm đến những mặt khác”, v.v.. Còn mặt tích cực của nó là chống lại tư biện, giáo điều, ảo tưởng, xa rời thực tế; đề cao kinh nghiệm, hiệu quả thực tế... thì không được đề cập đến. Cần nhắc lại rằng, khi gọi tên một học thuyết, chúng ta phải trung thành với tên gốc của nó, không được tự tiện đặt ra một tên khác để gọi học thuyết đó theo cách hiểu sai về thực chất của nó. Thí dụ, pragmatism (chủ nghĩa hành động, triết học thực tiễn) thì gọi là “chủ nghĩa thực dụng”, conservatism (chủ nghĩa bảo tồn) thì gọi là “chủ nghĩa bảo thủ”, communism (chủ nghĩa cộng đồng) thì

gọi là “chủ nghĩa cộng sản”, v.v..

Thuật ngữ “chủ nghĩa hiện sinh” bắt nguồn từ tiếng latin “*existentia*” do chính ông tổ của trào lưu triết học này (nhà triết học Đan Mạch Soren Kierkegaard (1813 - 1855) sử dụng lần đầu tiên, sau đó được các nhà triết học khác của trường phái này tiếp tục sử dụng. Thuật ngữ “*existentia*” (tiếng latin), “*existence*” (tiếng Pháp, Anh) phản ánh quan điểm cơ bản của trào lưu triết học này, được dịch ra tiếng Việt là “hiện sinh” thì không thoả đáng về ngữ nghĩa, nhưng rất tiếc chưa có nhà nghiên cứu nào đặt vấn đề phải xem xét lại cách dịch thuật ngữ này trong tiếng Việt. Vì thế, chúng tôi cho rằng, tuy tên gọi này trong tiếng Việt đã dùng quen rồi khó thay đổi, nhưng cần phải được giải thích thêm mới giúp tránh được cách hiểu lệch lạc về tư tưởng cơ bản của trào lưu triết học này.

Từ “hiện sinh” trong tiếng Việt có nghĩa là “cuộc sống hiện tại”, vì người ta hiểu sai là các nhà triết học trường phái này chỉ biết có cuộc sống trước mắt, không cần quan tâm đến tương lai (hiểu cuộc sống hiện sinh là “sống gấp”). Thực ra, những nhà hiện sinh Pháp, như Jean Paul Sartre, Albert Camus, Simone de Beauvoir không chỉ biết sống cho hiện tại, mà còn là những người tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống phát xít ở Pháp, ủng hộ phong trào đấu tranh vì tự do của các dân tộc khác trên thế giới. Sartre và Camus là những người được tặng giải thưởng Nobel. Sartre tích cực tham gia và chủ trì phiên tòa thứ hai của Tòa án quốc tế xét xử tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam; còn Beauvoir là người tích cực đấu tranh trong phong trào đòi quyền bình đẳng phụ nữ.

(2) William James, *What Pragmatism Means*, có thể đọc bài này ở địa chỉ: <http://www.marxists.org/reference/subject/philosophy/works/us/james.htm> hoặc ở nhiều trang web khác

Đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa hiện sinh không phải là cổ vũ cho sự “sống gấp”, mà là *nhấn mạnh tính 'chủ quan*. Đây là đóng góp quan trọng nhất và cũng là sai lầm lớn nhất của trào lưu triết học này. Thuật ngữ “existence” (tiếng Anh, Pháp) hay “Dasein” (tiếng Đức) là khái niệm nói lên *sự tồn tại cá nhân cụ thể, là tồn tại có ý thức*, là “tồn tại cho nó” chứ không phải “tồn tại tự nó”. Ý thức mà chủ nghĩa hiện sinh đề cao là những cảm xúc chủ quan của cá nhân, sự tự do lựa chọn không bị quy định bởi bất cứ cái gì khác ngoài trách nhiệm mà cá nhân tự ý thức được. Luận điểm cơ bản của nó - “Hiện sinh có trước bản chất” - nói lên đầy đủ quan niệm đó. Chủ nghĩa hiện sinh đề cao sự tự do lựa chọn và trách nhiệm cá nhân, về một phương diện nhất định, có thể coi đây là một đóng góp quan trọng; tuy nhiên, vì nó phủ nhận tính tất yếu và quy luật khách quan, nên sự tự do lựa chọn của cá nhân có thể dẫn đến những sai lầm không thể cứu vãn nổi

3. Về một số thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Trung Quốc nhưng bị hiểu sai trong tiếng Việt

Muốn hiểu được tiếng Việt thì phải có một kiến thức nhất định về thuật ngữ Hán - Việt, cũng giống như muốn đọc tiếng Anh, Pháp, Nga... thì phải hiểu nguồn gốc Hy Lạp, latin của nhiều thuật ngữ trong các thứ tiếng này. Nhiều khi nếu có nghi ngờ về cách hiểu quen thuộc đối với một số thuật ngữ Hán - Việt thì cần tham khảo cách dịch các thuật ngữ này trong các thứ tiếng phương Tây, như tiếng Anh. Thí dụ, “tính” trong câu nói của Khổng Tử “Tính tương cận, tập tương viễn” là gì? Nhiều người thường hiểu “tính” là ý thức, là nhân cách, nhưng nếu tham khảo các sách phương Tây thì thấy “tính” tức là *bản tính tự nhiên của con người* (human nature), mầm mống của nó đã có sẵn khi con người sinh ra không đợi phải được giáo dục, học tập mới có. Cách

hiểu này không có gì mới lạ nếu ta đọc đoạn trích sau đây từ Tuân Tử: “Phàm là người thì đều giống nhau: đói thì muốn ăn, lạnh thì muốn ấm, mệt thì muốn nghỉ, thích điều có lợi mà không thích điều có hại cho mình. Đây là cái con người sinh ra vốn đã có, không đợi đến khi học hành mới có”.

“Nho” trong Nho gia có nghĩa là gì? Có nhiều cách hiểu khác nhau ở Việt Nam, Trung Quốc về từ này và khó có thể khẳng định cách hiểu nào là chính xác. Ở phương Tây, “nho” được dịch là *scholar* có nghĩa là “học giả”. Nho gia 儒家 được dịch là *trường phái các học giả* (school of the scholars). Từ “giáo” trong “Nho giáo”, “Khổng giáo”, “tam giáo” có nghĩa là gì? Nhiều người thường hiểu “giáo” là tôn giáo. Ở phương Tây, từ Nho giáo 儒教 được dịch là “Study of the Scholars”, Khổng giáo 孔教 được dịch là “Teaching of Confucius”; “giáo” là *giáo dục, học thuyết, chứ không phải là tôn giáo*. Phương Tây thường lấy tên của Khổng Tử (được một nhà truyền giáo phương Tây dịch ra tiếng latin là *Confucius*) để đặt tên cho trường phái này là *Confucianism* (*chủ nghĩa Khổng Tử, Khổng giáo*)(3).

Trước đây, ở nước ta đã từng có thời kỳ “tam giáo” được các nhà nước phong kiến lấy làm nội dung học tập, thi cử. Tam giáo (Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo) không có nghĩa là “ba tôn giáo”, mà chỉ là *ba học thuyết*. Tam giáo được nghiên cứu với tư cách là những *học thuyết triết học, đạo đức*, chứ không phải ở khía cạnh tôn giáo. Trong khi trả lời một nhà báo Liên Xô, Hồ Chí Minh đã nói: “Tôi sinh ra trong một gia đình nhà Nho An Nam... Thanh niên trong những gia đình ấy thường học Khổng giáo, đồng chí biết chắc Khổng giáo không phải là tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử”(4).

Trong bài thơ “Dạ bán”(5) của Hồ Chí

(3) *Confucianism*, <http://en.wikipedia.org/wiki/Confucianism>

Minh có những khái niệm “*thiện*”, “*ác*” là những thuật ngữ có liên quan đến ngôn ngữ triết học Trung Quốc. Để hiểu rõ tư tưởng Hồ Chí Minh trong bài thơ này, cần phải nhắc lại cuộc tranh luận trong phái Nho gia về bản tính của con người. Mạnh Tử cho rằng, bản tính con người là “*thiện*”. Sách *Tam Tự Kinh* ra đời thời nhà Tống đã đứng trên quan điểm của Mạnh Tử khi cho rằng, “Nhân chi sơ, tính bản thiện. Tính tương cận, tập tương viễn”. Tuy nhiên, một nhà Nho khác là Tuân Tử lại có quan điểm ngược lại, cho rằng bản tính con người là “*ác*”. Ông nói: “Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả nguy giả”, nghĩa là “Bản tính con người là ác, còn thiện là nguy” (do con người làm ra). Ông lập luận: “Tính người ngày nay, trời sinh có kẻ hiểu lợi; do đó, mới sinh ra vấn đề tranh đoạt mà mất đi đức tính khiêm nhường... Trời sinh người ta có thứ dục vọng bởi tai mắt, thích nghe cái hay, nhìn cái đẹp; do đó, mới sinh ra vấn đề dâm loạn, mà mất đi lễ nghĩa, đạo lý văn hóa. Vậy thì, nếu cứ chiều theo tính và thuận theo tình của con người, thì sẽ diễn ra cảnh tranh giành, phạm tội loạn ly, rồi quy hết về bạo lực... Cứ nhìn theo đó thì đã quá rõ ràng, tính người là ác vậy”.

Hồ Chí Minh có một cách nhìn khác với hai quan điểm trên của Mạnh Tử và Tuân Tử. Con người không có bản tính cố hữu là *thiện* hay *ác*. Đứa trẻ khi chưa được giáo dục nó có bản tính tham ăn, ích kỷ, dưới con mắt của người lớn không ai cho đó là “*ác*” cả. Bản tính tự nhiên của đứa trẻ có thể trở thành thiện hay ác khi đứa trẻ lớn lên đến một độ tuổi nhất định và phải thông qua giáo dục xã hội cùng với sự rèn luyện của bản thân đứa trẻ đó. Hồ Chí Minh cho rằng nhân cách con người phần nhiều do giáo dục, rèn luyện mà có và chỉ biểu hiện ra trong quan hệ và hoạt động xã hội. Khi ngủ thì ai cũng như nhau. Đến khi thức dậy (nghĩa là khi hành động) mới

phân ra *người thiện, kẻ ác*. *Ngục trung nhật ký* là một tác phẩm viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh, nổi tiếng không chỉ trong nước mà cả trên thế giới và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Nhiều học giả Trung Quốc, trong đó có nhà thơ nổi tiếng Quách Mạt Nhược, đã nhận xét trong tập thơ này có nhiều bài thơ mà trình độ sánh ngang với thơ Đường, thơ Tống - những thời kỳ đỉnh cao của thơ Trung Quốc. Đã có nhiều bản dịch ra tiếng Việt, nhưng chưa có bản nào phản ánh được hết giá trị của tác phẩm. Bài thơ *Dạ bán* thể hiện một tư tưởng triết học sâu sắc của Hồ Chí Minh về *nguồn gốc, phương thức biểu hiện nhân cách, đạo đức* của con người. Tuy nhiên, Nam Trân mặc dù hiểu đúng (thể hiện trong cách giải thích), nhưng khi dịch ra thơ thì lại chưa chuyển tải đúng tư tưởng triết lý của bài thơ. Thiện được dịch là “*hiền*”, ác là “*dữ*” thì không chính xác, vì thiện, ác là những phạm trù đạo đức, thuộc cấp độ *ý thức xã hội*; còn hiền, dữ chỉ là cá tính, thuộc cấp độ *tâm lý cá nhân*. Hiền chưa hẳn là thiện, dữ chưa hẳn là ác. Sự khác nhau về nhân cách (thiện, ác) mới là cái không có sẵn, phần nhiều do giáo dục mới có. Còn sự khác nhau về cá tính, như *hiền lành* (điềm tính, dễ tính, nhu mì) hay *hung dữ* (hung hăng, nóng nảy, dễ bị kích động), hoạt bát hay trầm tính, v.v. không phải chủ yếu là do giáo dục; chúng một phần có liên quan đến cấu trúc thần kinh, nhiễm sắc thể, hoocmôn, hóa chất, v.v., trong cơ thể của mỗi người. Điều này đã được khoa học và tâm lý học hiện đại nghiên cứu.

Hơn nữa, trong tiếng Việt, nói *thiện, ác* thì ai cũng hiểu được, cần gì phải dịch ra *hiền, dữ* làm sai nghĩa đi. □

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.477.

(5) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.3.